TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ N** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 166/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30/5/2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh

Bà Thiều Thị Phi Loan

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Đồng Nai*** *tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 523/20234/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Uyên T**, sinh năm: 1996.

Địa chỉ: Số 12/14, tổ 15, khu phố 6, phường Long Bình, thành phố N, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Anh **Tăng Văn P**, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Số 104 (số E743), khu phố 5, phường Long Bình, thành phố N, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T, anh P có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai chị Phạm Thị Uyên T trình bày:

Sau một thời gian quen biết và tìm hiểu giữa chị và anh P phát sinh tình cảm rồi quyết định đi đến hôn nhân và được Ủy ban nhân dân phường Bảo An, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận cấp giấy chứng nhận kết hôn số 53 ngày 13/7/2017. Hôn nhân giữa chị và anh Phát là tự nguyện, không có sự cưỡng ép. Từ khi kết hôn, giữa chị và anh Phát đã có những phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân. Tuy nhiên, chị và anh Phát đã cố gắng khắc phục để tiếp tục cuộc sống vợ chồng nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và gay gắt hơn. Nguyên nhân, mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp và không còn thương yêu nhau. Nay xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên

chị làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tăng Văn P.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Tăng Bảo H, sinh ngày 11/10/2017 và cháu Tăng Minh Q, sinh ngày 21/5/2019. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Q và giao cháu H cho anh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 08 tháng 4 năm 2024 bị đơn anh Tăng Văn P trình bày: Anh và chị Phạm Thị Uyên T tự nguyện tìm hiểu chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bảo An, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận vào ngày 13/7/2017. Anh và chị T chung sống với nhau đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, vợ chồng xảy ra cãi vã. Đến giữa năm 2021 chị T ra ngoài thuê nhà trọ sinh sống, anh và chị T sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị T làm đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung là Tăng Bảo H, sinh ngày 11/10/2017 và Tăng Minh Q, sinh ngày 21/5/2019. Ly hôn, anh P đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tăng Bảo H, giao cháu Tăng Minh Q cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Đồng Nai:

Về việc tuân thủ quy định của thẩm phán, thư ký, hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Uyên T đối với bị đơn anh Tăng Văn P về việc ly hôn, về quan hệ hôn nhân: Chị Tđược ly hôn với anh P, về con chung: Giao cháu Tăng Bảo H cho anh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Tăng Minh Q cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự:

Nguyên đơn chị Phạm Thị Uyên T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tăng Văn P và đề nghị giao mỗi người nuôi 01 con chung, căn cứ Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định chị Phạm Thị Uyên T là nguyên đơn, anh Tăng Văn P là bị đơn trong vụ án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Tăng Văn P hiện nay đang cư trú tại thành phố N, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân

sự năm 2015 xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Đồng Nai.

[3] Về thủ tục tố tụng khác: Nguyên đơn chị Phạm Thị Uyên T và bị đơn anh Tăng Văn P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đương sự. Cả chị T và anh P đều có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[4] Nội dung vụ án:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Uyên T và anh Tăng Văn P tự nguyện kết hôn, có làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Bảo An, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận cấp giấy chứng nhận kết hôn số 53 ngày 13/7/2017 nên áp dụng Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, chị T xác định không còn tình cảm với anh P, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, vợ chồng xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung. Theo biên bản xác minh mâu thuẫn tại địa phương ngày 08/4/2024 nơi chị T và anh P đã từng sinh sống xác định trong cuộc sống hôn nhân giữa các đương sự có xảy ra mâu thuẫn hay không địa phương không nắm rõ do các đương sự không trình báo và không có đơn đề nghị địa phương hòa giải mâu thuẫn vợ chồng.

[4.2] Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng chị T và anh P hiện đã rất trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt, không có khả năng hàn gắn, cả hai đều không mong muốn được hoà giải đoàn tụ, nếu tiếp tục kéo dài tình trạng hôn nhân cũng không đem đến hạnh phúc cho nhau. Chị T yêu cầu ly hôn, anh P xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn và đồng ý với yêu cầu của chị T. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở chấp nhận.

[4.3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Tăng Bảo H, sinh ngày 11/10/2017 và Tăng Minh Q, sinh ngày 21/5/2019. Ly hôn, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Q và giao cháu H cho anh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời, không ai phải cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, anh P cũng có lời khai đồng ý với yêu cầu của chị T giao cháu Tăng Minh Q cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Tăng Bảo H cho anh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[4.4] Về tài sản chung: Không xem xét.

[4.5] Về nợ chung: Không xem xét.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Đồng Nai phù hợp với chứng cứ có tại hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Phạm Thị Uyên T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 68, khoản 4 Điều 147, Điều 220, Điều 228, 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 8, 9, 51, 56, 57, 58, 71, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Uyên T đối với bị đơn anh Tăng Văn P về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Uyên T được ly hôn với anh Tăng Văn P.

Về con chung: Giao cháu Tăng Bảo H, sinh ngày 11/10/2017 cho anh Tăng Văn P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Tăng Minh Q, sinh ngày 21/5/2019 cho chị Phạm Thị Uyên T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị T, anh P được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản chị T, anh P thực hiện quyền này. Trong trường hợp cần thiết một trong các bên có quyền xin thay đổi quyền trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

Về án phí: Chị Phạm Thị Uyên T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị T đã nộp theo biên lai thu số 0002652 ngày 04/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N. Chị T đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Đào

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố N;
- Chi cục THADS TP.N
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.